



GIỚI THIỆU VIETINBANK

6T2019

Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn đầu tư
4. Chiến lược kinh doanh
5. Kết quả hoạt động
6. Phụ lục

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

- ❖ Tổng sản phẩm quốc nội - GDP
- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng - CPI
- ❖ Chỉ số quản lý sức mua - PMI
- ❖ Xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI
- ❖ Ngành ngân hàng Việt Nam

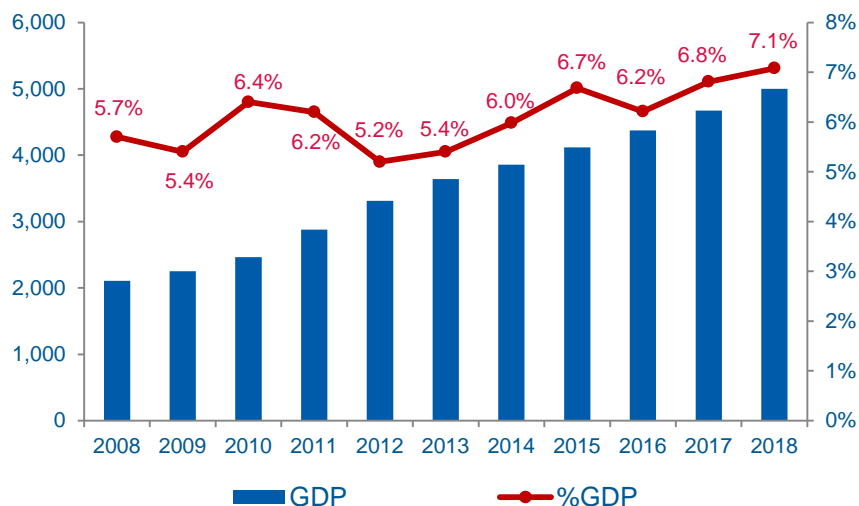
1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Tổng sản phẩm quốc nội - GDP

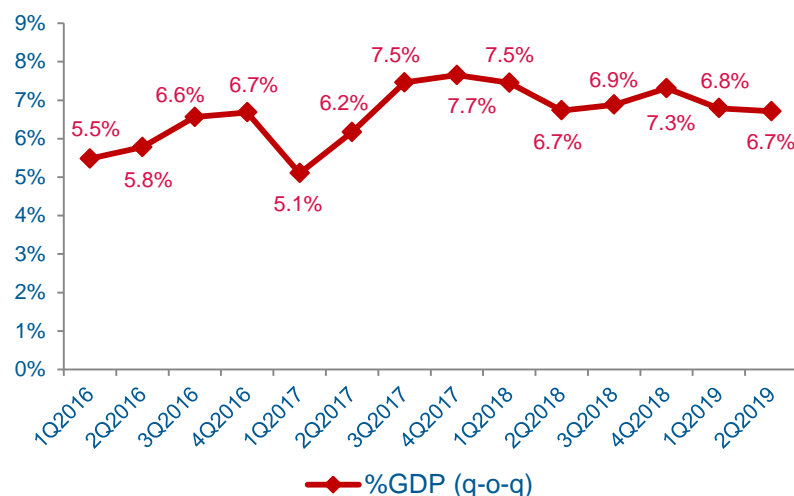
Tăng trưởng GDP Quý II/2019 thấp hơn cùng kỳ năm trước

- ❖ Kinh tế 6T2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức: thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.
- ❖ GDP Quý II/2019 tăng 6,71% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng trưởng Quý II/2018, cao hơn mức tăng trưởng Quý II các năm 2011-2017.
- ❖ GDP 6T2019 tăng 6,76%, thấp hơn mức tăng của 6T2018, cao hơn mức tăng của 6 tháng các năm 2011-2017.
- ❖ Mục tiêu tăng GDP năm 2019 do Chính phủ đặt ra từ 6,6 - 6,8%.

Tăng trưởng GDP 2008 - 2018 (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng GDP theo quý (2016 - 2019)



Nguồn: Tổng cục thống kê

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

CPI tháng 6/2019 giảm so với tháng 5/2019, nhưng CPI QII/2019 tăng so với quý trước và cùng kỳ 2018

- CPI tháng 6/2019 giảm 0,09% so với tháng trước.

- Tính chung Quý II/2019, CPI tăng 0,74% so với quý trước và tăng 2,65% so với cùng kỳ năm 2018.

- CPI bình quân 6T2019 tăng 2,64% so với bình quân cùng kỳ năm 2018; CPI tháng 6/2019 tăng 1,41% so với tháng 12/2018 và tăng 2,16% so với cùng kỳ năm 2018.

- Lạm phát cơ bản tháng 6/2019 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 1,96% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 6T2019 tăng 1,87% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Các yếu tố làm tăng CPI 6T2019:

- Giá các mặt hàng thực phẩm (thịt lợn), đồ uống, thuốc lá, quần áo may sẵn, dịch vụ giao thông công cộng, du lịch trọn gói tăng;

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng;

- Giá sách giáo khoa năm học 2019-2020 tăng từ tháng 4/2019 làm chỉ số giá văn phòng phẩm tăng;

- Giá điện sinh hoạt tăng.

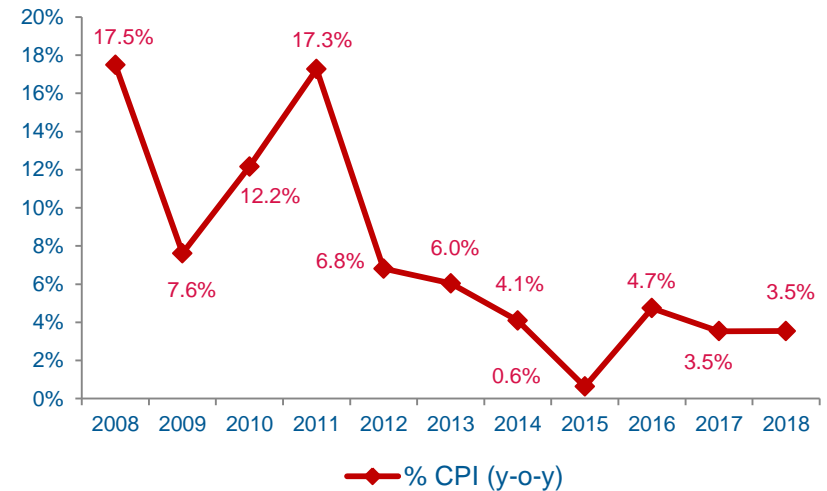
Các yếu tố góp phần kiềm chế CPI 6T2019:

- Giá xăng dầu giảm;

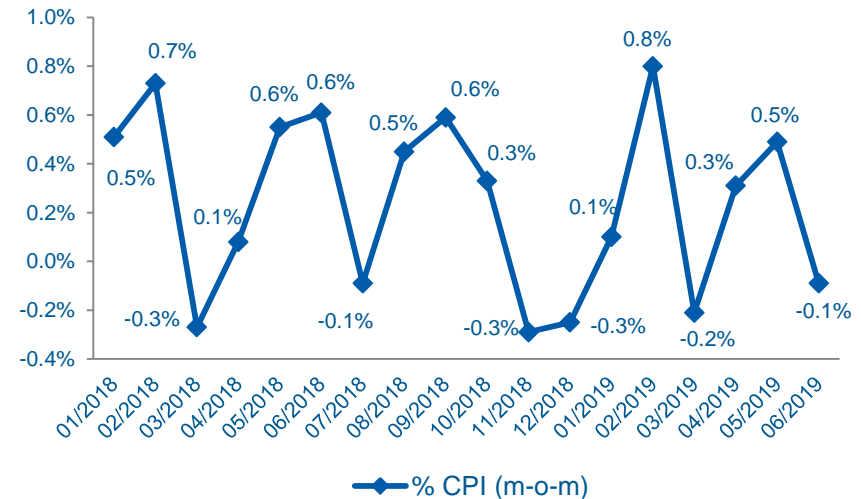
- Giá gas sinh hoạt giảm;

- TP.HCM điều chỉnh giảm mức thu học phí theo NQ số 25/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của Hội đồng nhân dân TP.HCM.

Tăng trưởng CPI 2008 - 2018



Tăng trưởng CPI theo tháng (2018 - 2019)



Nguồn: Tổng cục thống kê

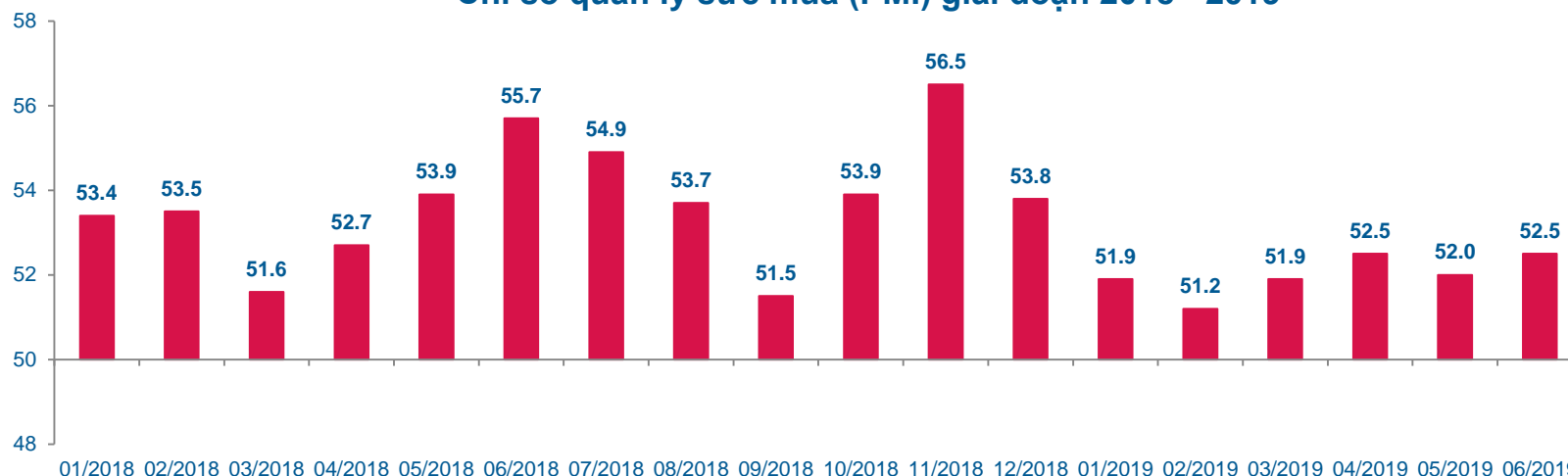
1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Chỉ số quản lý sức mua - PMI

Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục phát triển tốt vào giữa năm 2019

- ❖ Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đạt 52,5 điểm trong tháng 6, tăng 0,5 điểm so với tháng 5/2019 và bằng với kết quả của tháng 4/2019. Đây là mức cao của 6T2019. PMI trung bình cho Quý II/2019 cao hơn 3 tháng đầu năm 2019, thấp hơn mức trung bình của năm 2018.
- ❖ Các nhà sản xuất Việt Nam tiếp tục có mức tăng kỷ lục về số lượng đơn đặt hàng mới trong tháng 6/2019, khi tốc độ tăng đạt mức cao của 6T2019, nhờ vào việc đưa ra các sản phẩm mới và số lượng khách hàng tăng.
- ❖ Số lượng đơn đặt hàng mới tăng là nhân tố chính dẫn đến lần tăng thứ 19 liên tiếp của sản lượng ngành sản xuất ở Việt Nam.

Chỉ số quản lý sức mua (PMI) giai đoạn 2018 - 2019



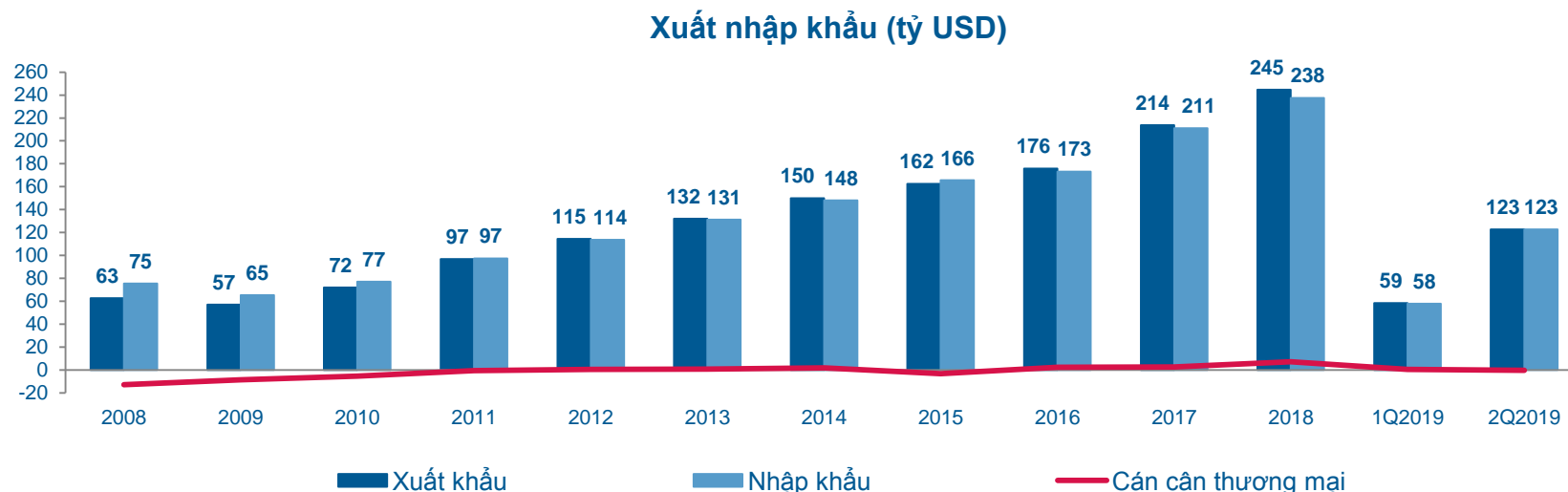
Nguồn: Tổng cục thống kê

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 6T2019 đạt mức cao nhất từ trước đến nay

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu 6T2019: 122,72 tỷ USD (tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018)
 - Khu vực trong nước: 36,82 tỷ USD (tăng 10,8%);
 - Khu vực FDI: 85,90 tỷ USD (tăng 5,9%).
- ❖ Kim ngạch nhập khẩu 6T2019: 122,76 tỷ USD (tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2018)
 - Khu vực trong nước: 52,54 tỷ USD (tăng 14,4%);
 - Khu vực FDI: 70,22 tỷ USD (tăng 7,8%).
- ❖ Cán cân thương mại 6T2019: Nhập siêu 34 triệu USD
 - Khu vực trong nước: Nhập siêu 15,72 tỷ USD;
 - Khu vực FDI: Xuất siêu 15,68 tỷ USD.



Nguồn: Tổng cục thống kê

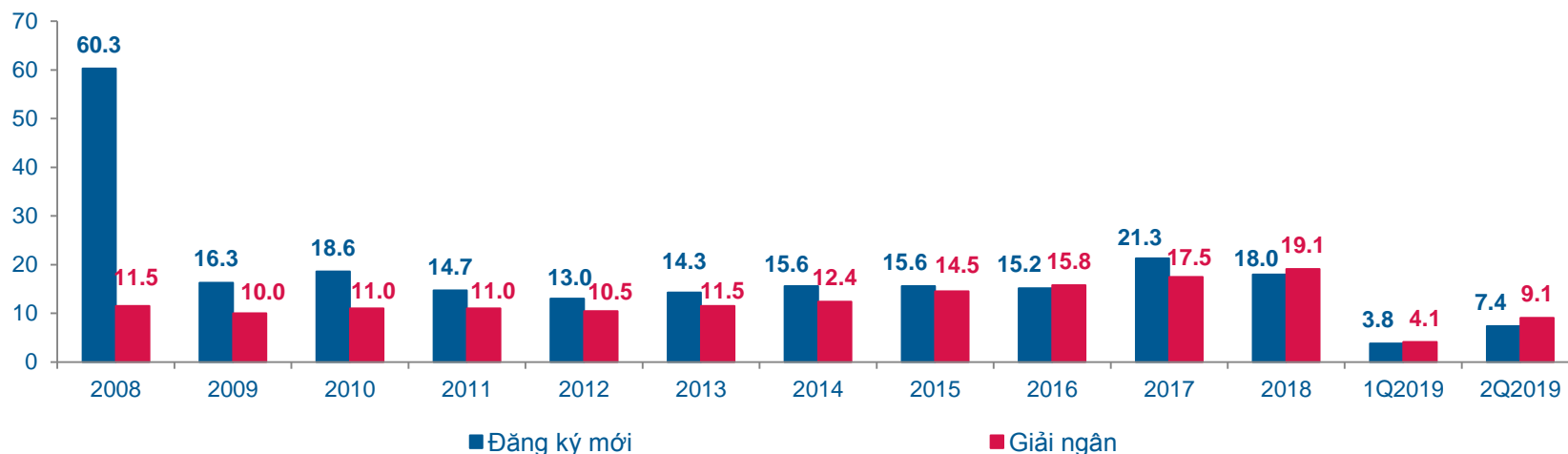
1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI

Lĩnh vực FDI tiếp tục khởi sắc trong 6T2019

- ❖ Tính đến 20/6/2019, FDI thu hút 1.723 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7,41 tỷ USD, tăng 26,1% về số dự án và giảm 37,2% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018.
- ❖ Có 628 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2,94 tỷ USD, giảm 33,8% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 6T2019 đạt 10,35 tỷ USD, giảm 36,3% so với cùng kỳ năm 2018.
- ❖ Có 4.020 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 8,12 tỷ USD, tăng 98,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó có 625 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 5,48 tỷ USD và 3.395 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 2,64 tỷ USD.
- ❖ Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6T2019 đạt 9,1 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2018.

FDI đăng ký mới và giải ngân (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục thống kê

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

Ngành ngân hàng Việt Nam

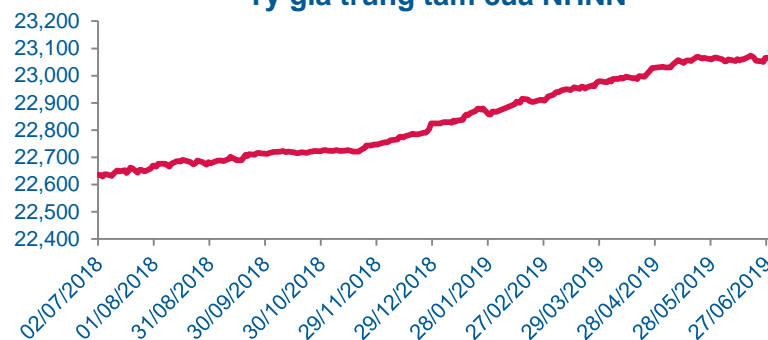
Tỷ giá tăng mạnh trong tháng 5 và giảm trong tháng 6

- ❖ Trong Quý I và nửa đầu tháng 4, tỷ giá tương đối ổn định, tạo điều kiện để NHNN mua vào được một lượng USD nhất định trên thị trường bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước.
- ❖ Từ nửa cuối tháng 4 và trong tháng 5, tỷ giá tăng mạnh do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang.
- ❖ Sang tháng 6, tỷ giá có xu hướng giảm. 3 tuần đầu của tháng 6, tỷ giá giảm do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung bớt căng thẳng; niềm tin Fed chắc chắn sẽ cắt giảm lãi suất trong tháng 7; nguồn cung USD khá tốt; Giá vàng thế giới tăng mạnh. Đến tuần cuối cùng của tháng 6, tỷ giá tăng nhẹ do nhu cầu ngoại tệ tăng của khối FDI để chuyển lợi nhuận về nước vào thời điểm cuối quý.
- ❖ Tính đến 28/6/2019, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 241 điểm (+1,06%) so với cuối năm 2018 lên mức 23.066 VND/USD.

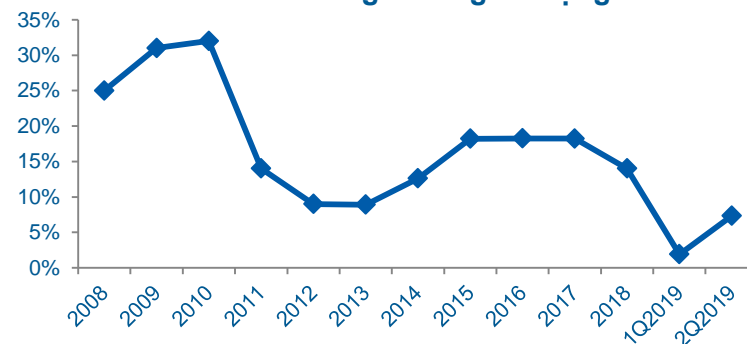
Thanh khoản đảm bảo, lãi suất ổn định

- ❖ Tổng phương tiện thanh toán tăng 6,05% so với cuối năm 2018 (tại 18/6/2019).
- ❖ Tín dụng tăng 7,33% so với cuối năm 2018 (tại 28/6/2019).
- ❖ Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 6,87% so với cuối năm 2018 (tại 28/6/2019).
- ❖ Một số NHTM có động thái tăng lãi suất kỳ trung hạn và dài hạn nhằm cơ cấu lại nguồn vốn huy động theo yêu cầu của NHNN.
- ❖ Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay về cơ bản ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm; 9-11% đối với trung và dài hạn. Đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, mức tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 4-5%/năm.
- ❖ Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực SXKD, các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được tăng cường kiểm soát.

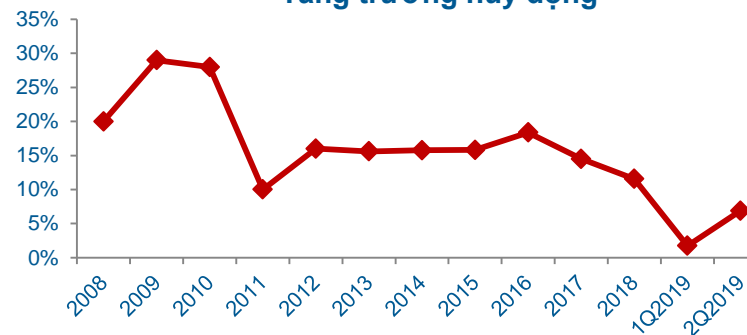
Tỷ giá trung tâm của NHNN



Tăng trưởng tín dụng



Tăng trưởng huy động



Nguồn: Tổng cục thống kê

2. Thông tin chung về VietinBank

- ❖ **Tổng quan về VietinBank**
- ❖ **Cơ cấu quản trị**
- ❖ **Cơ cấu hoạt động**

2. Thông tin chung về VietinBank

Tổng quan về VietinBank

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) là ngân hàng hàng đầu của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



1988

2008

2009

2011

2012

2017

2018

Thành lập sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (1 năm sau đó).

Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (viết tắt là VietinBank).

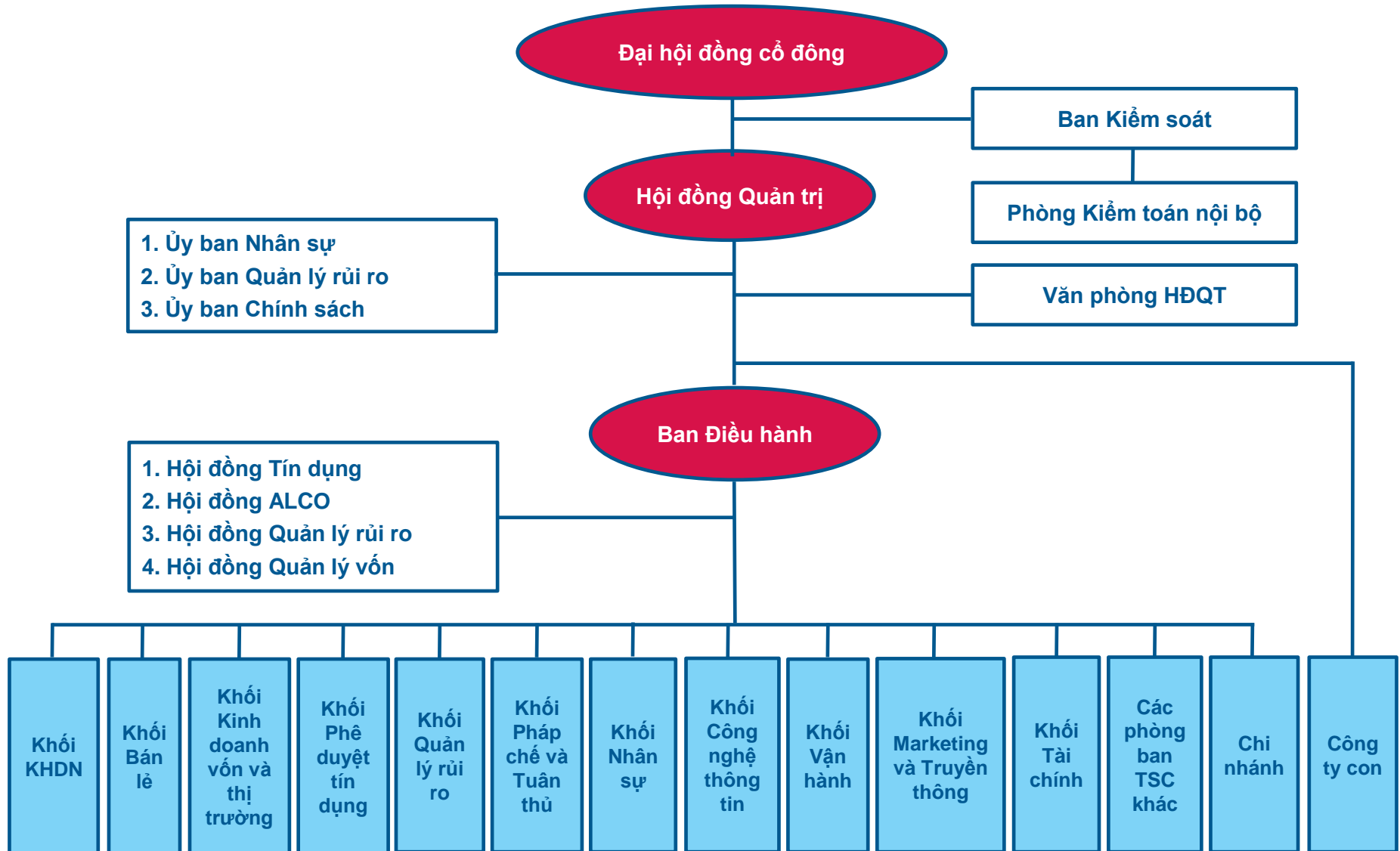
IFC chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank, sở hữu 10% vốn điều lệ của VietinBank.

BTMU (nay là MUFG Bank) chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai của VietinBank, sở hữu 19,73% vốn điều lệ của VietinBank.

Chuyển đổi Core Banking thành công. Nhận giải thưởng “Dự án ngân hàng lõi tốt nhất” của The Asian Banker.

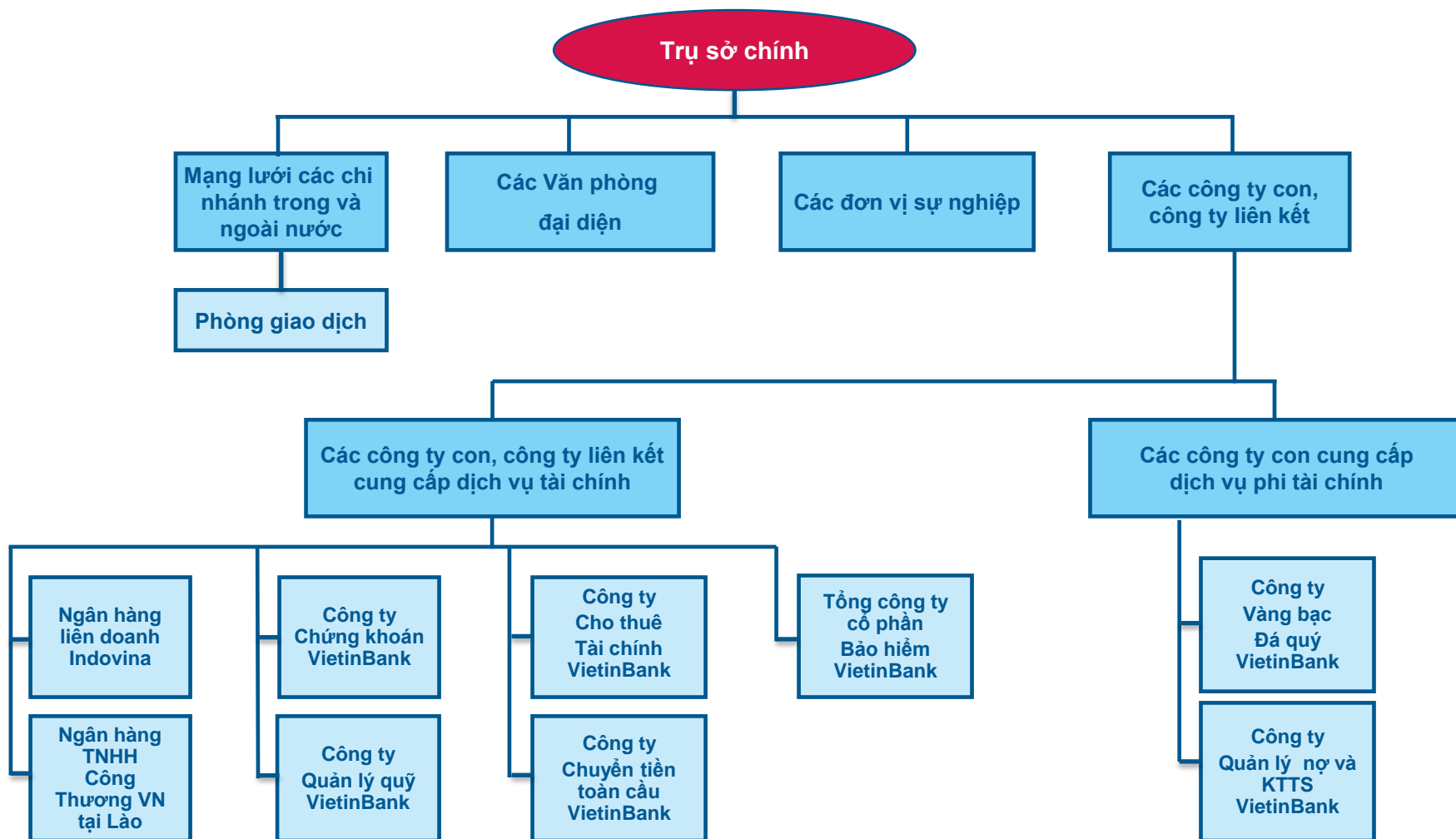
- Đánh dấu chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển của VietinBank.
- Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu được NHNN phê duyệt

2. Thông tin chung về VietinBank Cơ cấu quản trị hợp lý



2. Thông tin chung về VietinBank

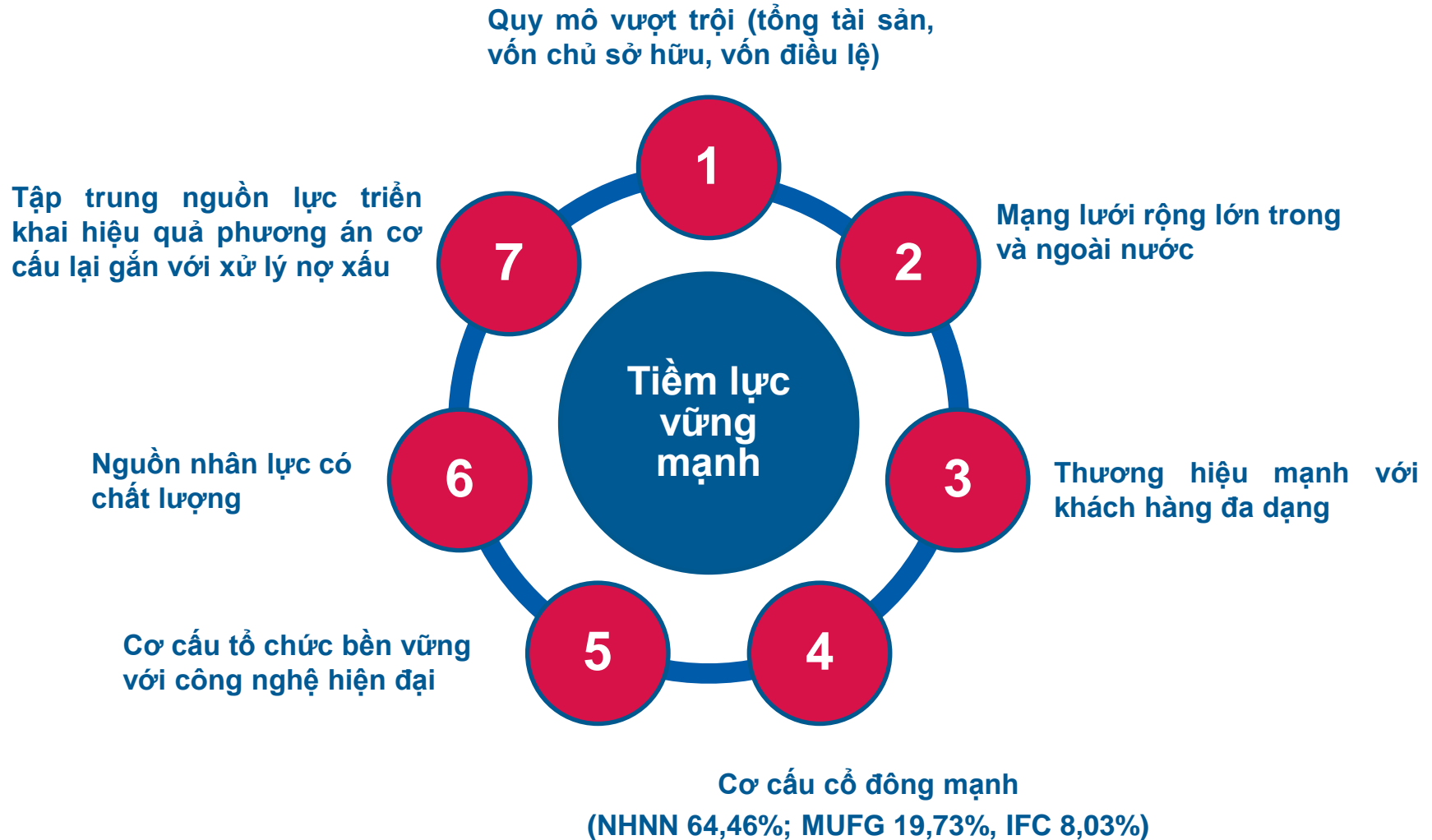
Cơ cấu hoạt động vững mạnh



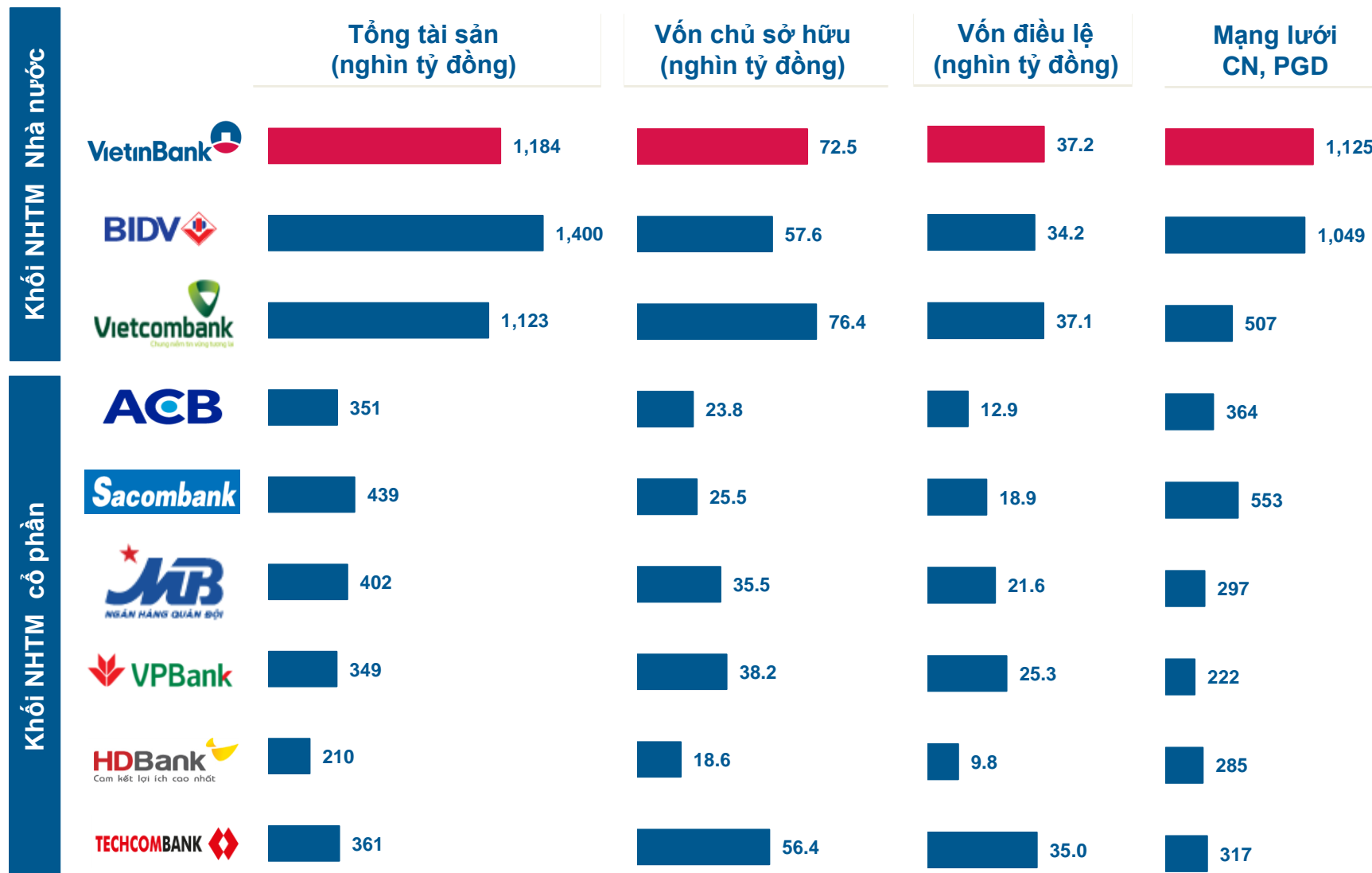
3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ **Vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tổng tài sản**
- ❖ **Mạng lưới hoạt động**
- ❖ **Thương hiệu và cơ sở khách hàng**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông mạnh**
- ❖ **Quản trị doanh nghiệp và nhân sự**

3. Điểm nhấn đầu tư

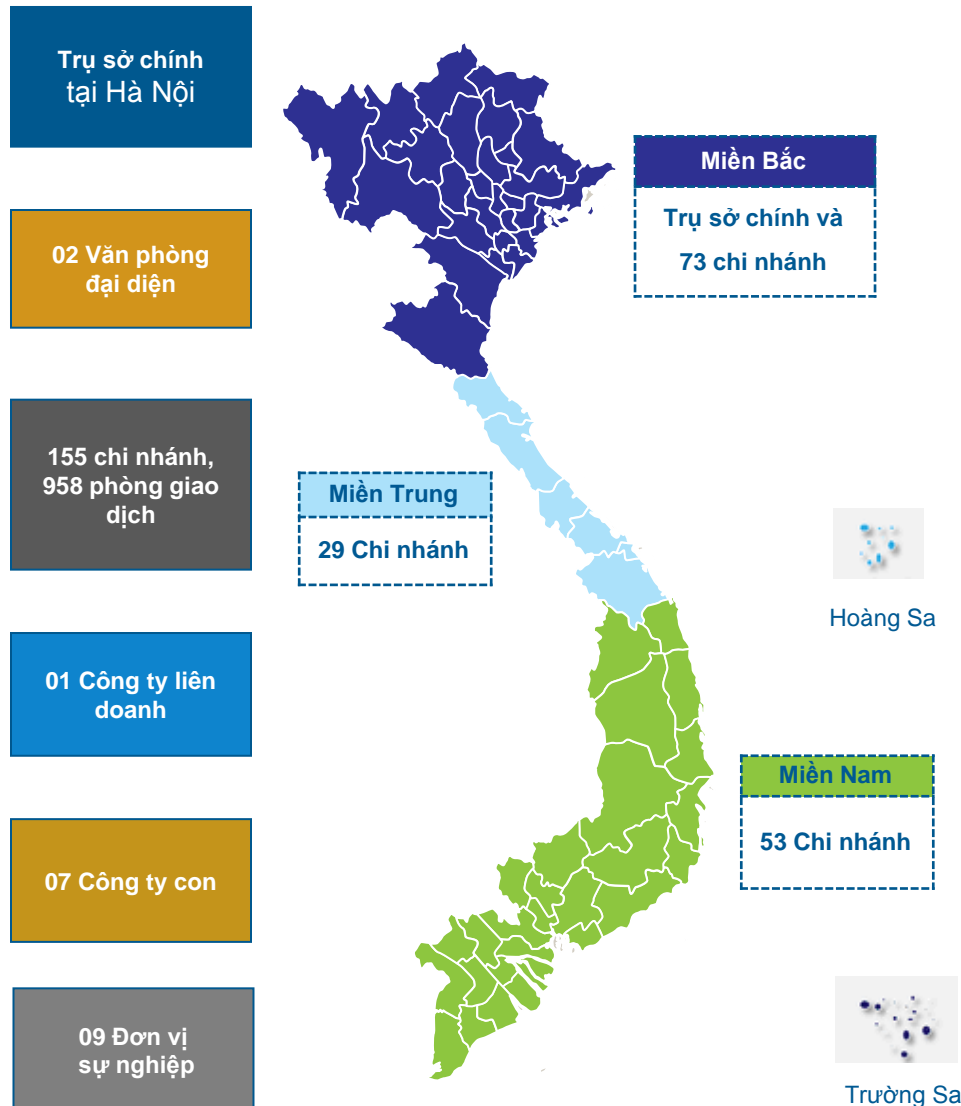


3. Điểm nhấn đầu tư Quy mô vượt trội



Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2019 (BIDV, HDBank là số liệu do ngân hàng lập)

3. Điểm nhấn đầu tư Mạng lưới rộng khắp



Mạng lưới trong nước:

- Trụ sở chính tại Hà Nội
- 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch ở khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- 09 Đơn vị sự nghiệp
- 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- Gần 2.000 máy ATM

Mở rộng mạng lưới ra nước ngoài:

- 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- 01 Ngân hàng con tại Lào
- 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

3. Điểm nhấn đầu tư

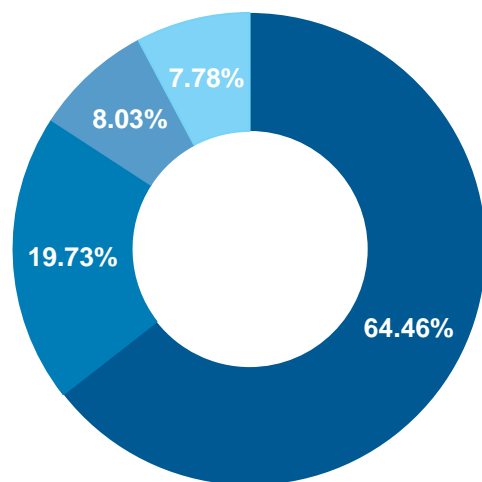
Nền tảng khách hàng đa dạng và vững chắc

VietinBank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và ngày càng mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



3. Điểm nhận đầu tư Cơ cấu cổ đông mạnh

Cơ cấu cổ đông



- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- MUFG
- IFC
- Cổ đông khác

Hỗ trợ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn



Ngân hàng Nhà nước



MUFG



IFC

Hỗ trợ

- Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank, cổ phần nắm giữ của Chính phủ sẽ không dưới 51% vào bất cứ thời điểm nào.
- Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

- MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
 - Quản lý rủi ro, áp dụng BASEL II
 - Công nghệ thông tin
 - Ngân hàng đầu tư
 - Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Dịch vụ thu tiền mặt và các hoạt động liên quan.

- IFC ký hợp đồng hợp tác với VietinBank trong năm 2011. Theo cam kết, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank trong các lĩnh vực sau:
 - Quản trị rủi ro
 - Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - Tiết kiệm hiệu quả năng lượng
 - Công nghệ thông tin

3. Điểm nhấn đầu tư Ban Lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
Lê Đức Thọ
Chủ tịch HĐQT



Ông
Trần Minh Bình
TV HĐQT



Ông
Trần Văn Tấn
TV HĐQT



Bà
Trần Thu Huyền
TV HĐQT



Ông
Nguyễn Thế Huân
TV HĐQT



Bà
Phạm Thị Thanh Hoài
TV HĐQT



Ông
Hiroshi Yamaguchi
TV HĐQT



Ông
Hideaki Takase
TV HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông
Trần Minh Bình
TGD



Bà
Nguyễn Hồng Vân
Phó TGD



Bà
Lê Như Hoa
Phó TGD



Ông
Nguyễn Hoàng Dũng
Phó TGD



Ông
Nguyễn Đức Thành
Phó TGD



Ông
Trần Công Quỳnh Lâm
Phó TGD



Ông
Nguyễn Đình Vinh
Phó TGD



Ông
Hiroshi Yamaguchi
Phó TGD



Ông
Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Bà
Lê Anh Hà
Trưởng BKS



Bà
Nguyễn Thị Anh Thư
TV BKS



Ông
Nguyễn Mạnh Toàn
TV BKS

4. Chiến lược kinh doanh

- ❖ Tâm nhìn và mục tiêu chiến lược
- ❖ Các mục tiêu kế hoạch năm 2019

4. Chiến lược kinh doanh

Tâm nhìn và chiến lược

Tâm nhìn

Ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế.

Mục tiêu

Ngân hàng thương mại có quy mô lớn với hiệu quả hoạt động tốt nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Chủ điểm chiến lược giai đoạn 2018 - 2020

- 1 Tăng trưởng quy mô bền vững
- 2 Chuyển dịch cơ cấu thu nhập
- 3 Phát triển hoạt động ngân hàng thanh toán
- 4 Nâng cao năng lực tài chính
- 5 Nâng cao năng suất lao động toàn hàng và quản trị chi phí hiệu quả

4. Chiến lược kinh doanh

Các mục tiêu kế hoạch cụ thể năm 2019



Triển khai có kết quả các kế hoạch hoạt động tại phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 theo lộ trình đề ra



Cải thiện mạnh mẽ chất lượng dịch vụ. Phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ hiện đại, chuyển dịch cơ cấu thu nhập theo hướng tăng thu ngoài lãi



Kiến toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực



Nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn tự có



Đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro, nợ bán VAMC, nâng cao chất lượng tài sản



Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và tỷ lệ CIR, hướng tới nâng cao năng suất lao động, kế hoạch hóa định biên lao động



Cải thiện mạnh mẽ hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý gắn với quản lý tốt chất lượng tăng trưởng. Cải thiện NIM, quản trị tốt chi phí vốn



Nâng cao vai trò quản trị rủi ro, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn, phát triển kinh doanh gắn liền với tăng cường quản trị rủi ro



Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong mọi mặt hoạt động

5. Kết quả hoạt động

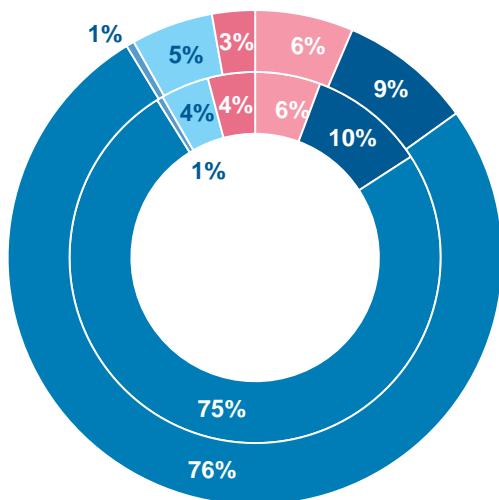
- ❖ Huy động vốn tăng trưởng ổn định
- ❖ Tăng trưởng tín dụng hợp lý, kiểm soát nợ xấu
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Kết quả kinh doanh của VietinBank

5. Kết quả hoạt động

Huy động vốn tăng trưởng ổn định

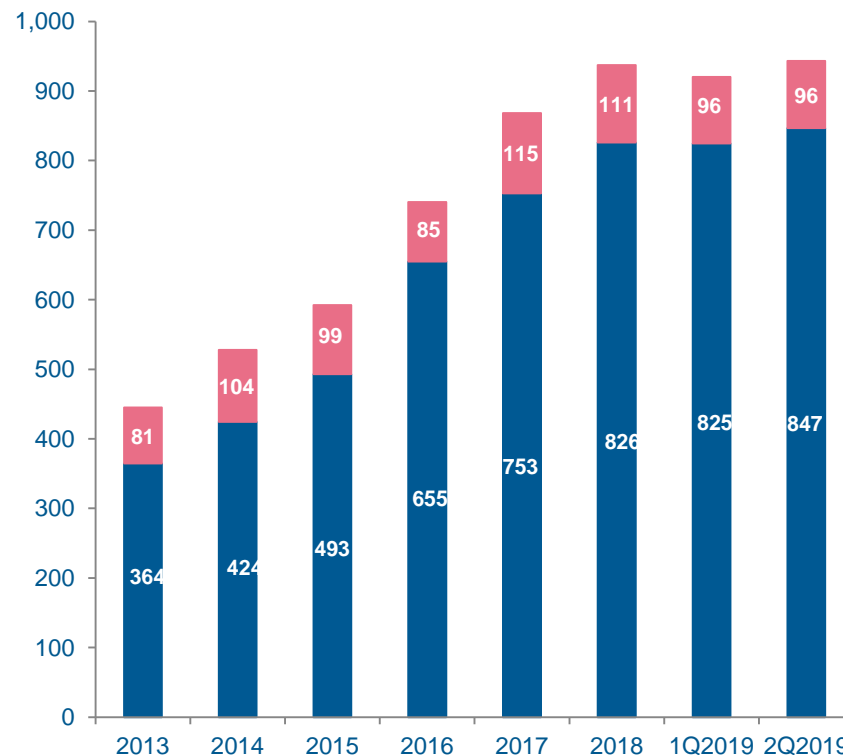
Cơ cấu huy động

Vòng trong: Tại 31/12/2018: 1.097 nghìn tỷ đồng
Vòng ngoài: Tại 30/06/2019: 1.111 nghìn tỷ đồng



- Vay Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Tiền gửi khách hàng
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Phát hành giấy tờ có giá
- Nguồn huy động khác

Tiền gửi khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác (nghìn tỷ đồng)

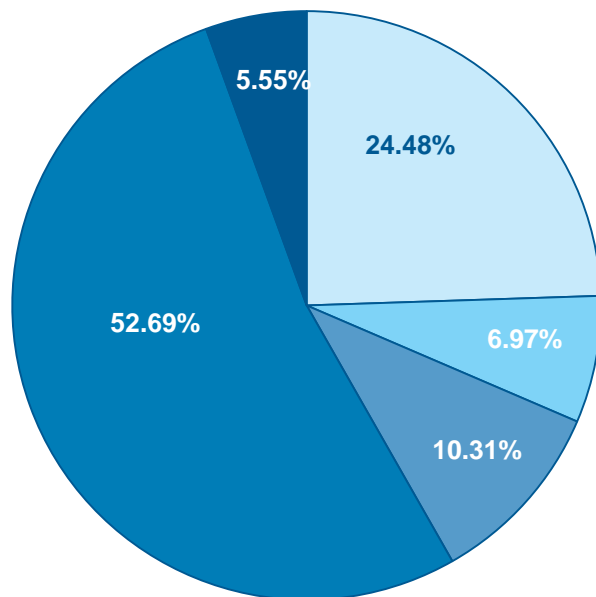


- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi khách hàng

5. Kết quả hoạt động

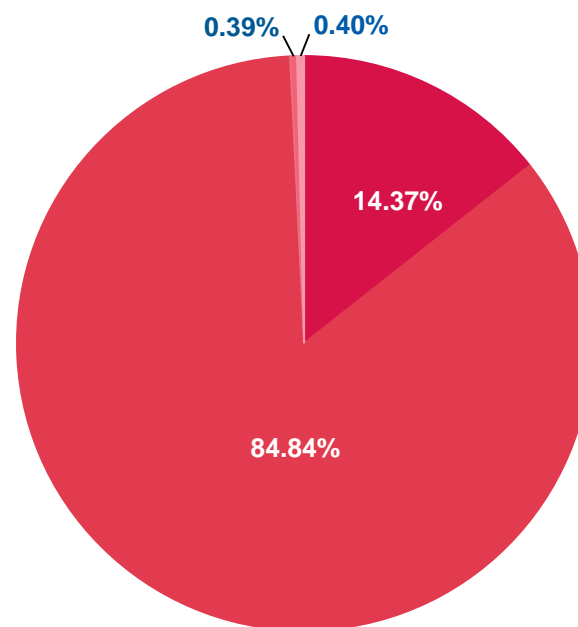
Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình doanh nghiệp
(31/12/2018)



- DNNN (24,48%)
- DN FDI (6,97%)
- Doanh nghiệp khác (10,31%)
- Cá nhân (52,69%)
- Thành phần khác (5,55%)

Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn
(30/06/2019)

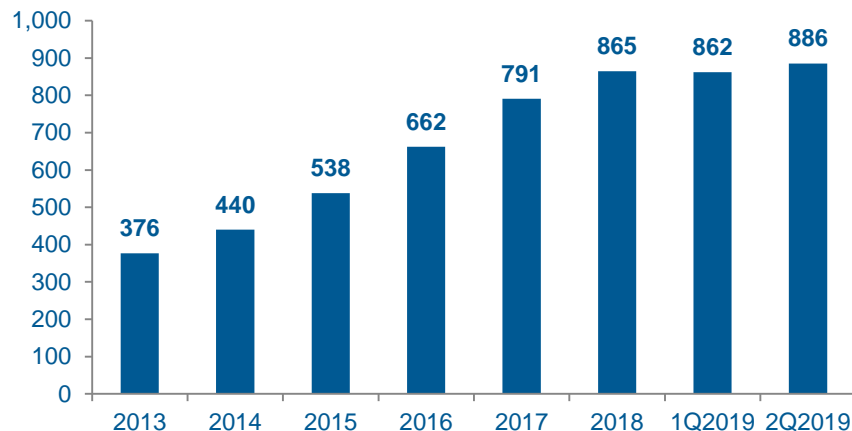


- Tiền gửi không kỳ hạn (14,37%)
- Tiền gửi có kỳ hạn (84,84%)
- Tiền gửi vốn chuyên dụng (0,39%)
- Tiền gửi ký quỹ (0,40%)

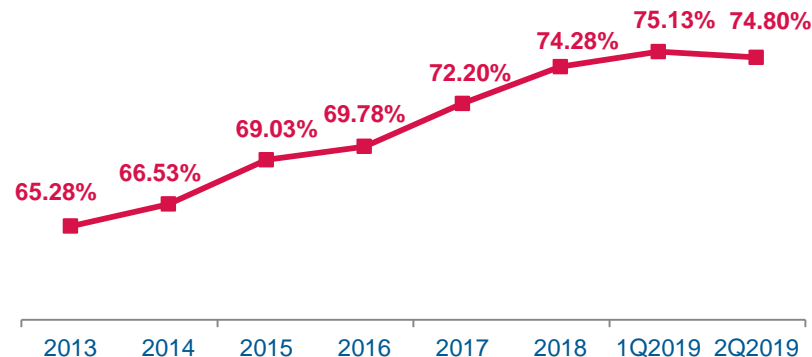
5. Kết quả hoạt động

Tăng trưởng tín dụng hiệu quả, an toàn

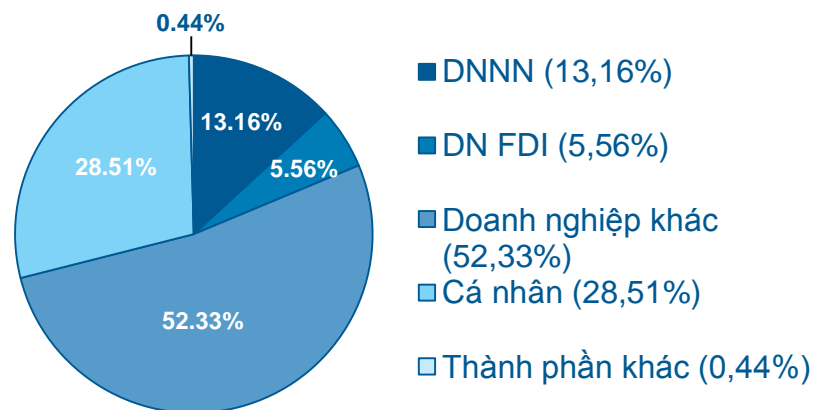
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



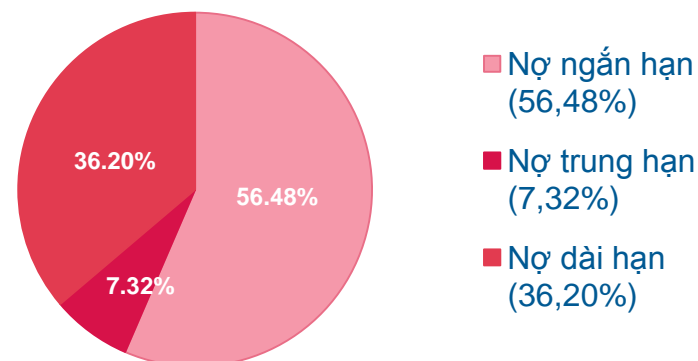
Cho vay/Tổng tài sản (LAR)



Cơ cấu cho vay theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2018)



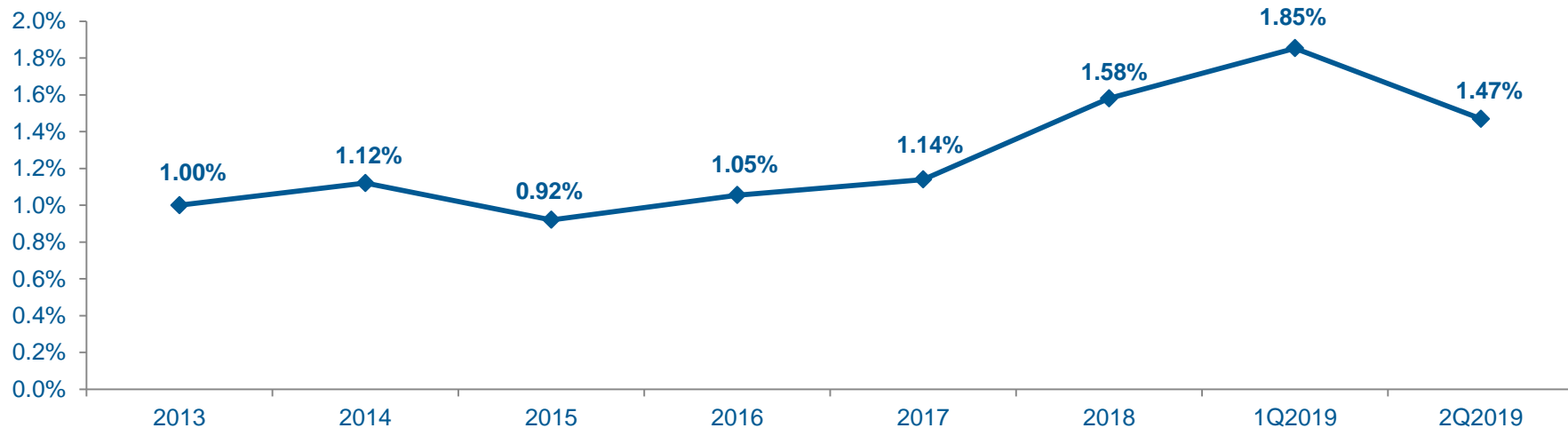
Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn (30/06/2019)



5. Kết quả hoạt động Kiểm soát chất lượng tín dụng

Nhóm	2016		2017		2018		QI/2019		QII/2019	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
Nhóm 1 <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	648.968	98,03	778.050	98,40	846.025	97,81	840.560	97,56	865.120	97,69
Nhóm 2 <i>Nợ cần chú ý</i>	6.037	0,91	3.627	0,46	5.210	0,61	5.068	0,59	7.406	0,84
Nợ xấu	6.983	1,06	9.011	1,14	13.691	1,58	15.962	1,85	13.010	1,47
Tổng	661.988	100	790.688	100	864.926	100	861.590	100	885.535	100

Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng



5. Kết quả hoạt động Quản lý tốt chất lượng tài sản

Hệ thống tín dụng phù hợp

- VietinBank có hệ thống tín dụng phù hợp, cho phép theo dõi các giới hạn cho vay và khẩu vị rủi ro tín dụng.
- Hệ thống tín dụng này của ngân hàng được truyền thông sâu rộng với phân cấp thẩm quyền và các kênh báo cáo rõ ràng.

Thiết lập hạn mức tín dụng cho khách hàng, nhóm khách hàng, lĩnh vực

- Các khoản tín dụng được phân bổ phù hợp theo chủ thể kinh tế và ngành nghề kinh tế, đảm bảo đa dạng hóa danh mục tín dụng, giảm thiểu rủi ro tập trung.
- Chính sách tín dụng thiết lập hạn mức chặt chẽ đối với từng đối tượng.

Phân loại tài sản có và đáp ứng các yêu cầu trích lập dự phòng một cách toàn diện

- Phân loại tài sản có toàn diện và chi tiết, xây dựng chính sách và yêu cầu trích lập dự phòng phù hợp với quy định và tiêu chuẩn quốc tế.
- Các quy tắc phân loại nói trên đã mang lại những kết quả tích cực trong việc đo lường các khoản nợ xấu.

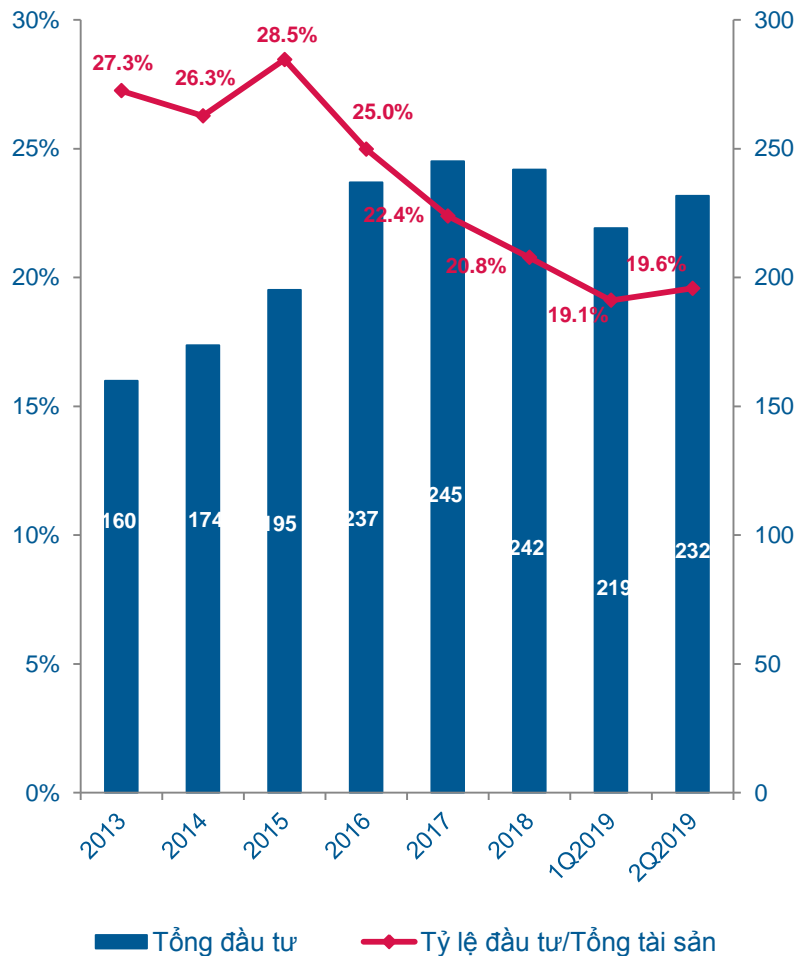
Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ

- Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ được áp dụng để tăng cường chất lượng quản lý tài sản trong bối cảnh nền kinh tế đang tăng trưởng.

5. Kết quả hoạt động

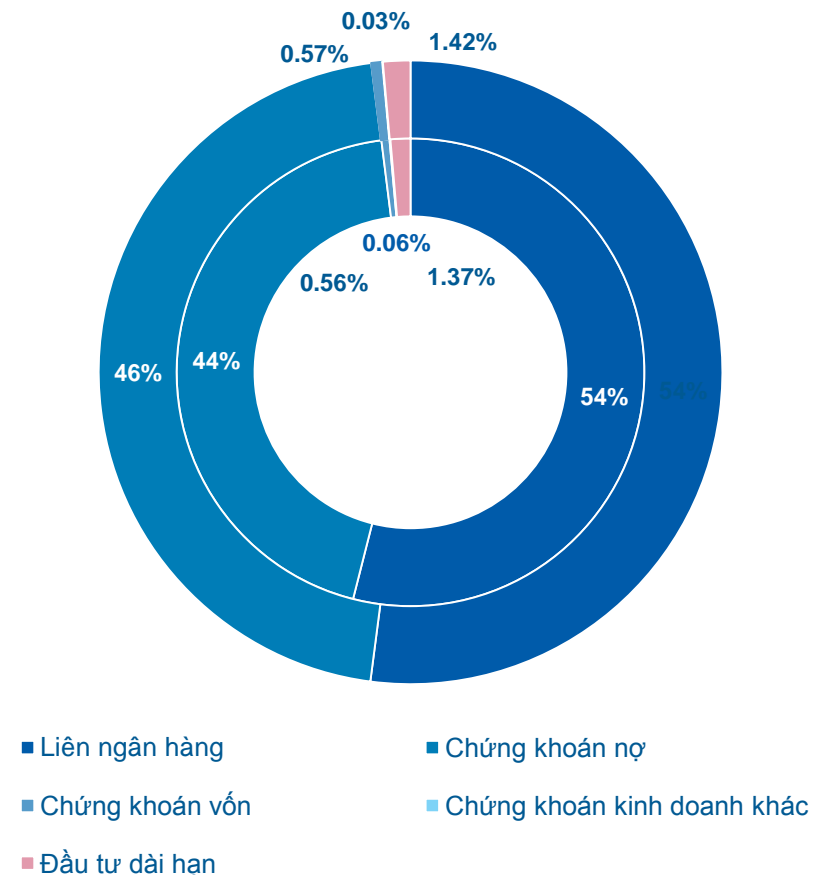
Danh mục đầu tư chứng khoán an toàn và đa dạng

Danh mục đầu tư
(Nghìn tỷ đồng)



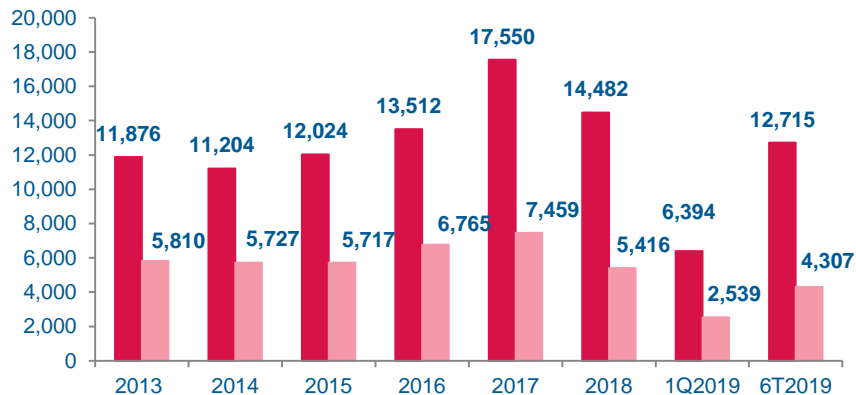
Danh mục đầu tư

Vòng trong: Tại 31/12/2018
Vòng ngoài: Tại 30/06/2019



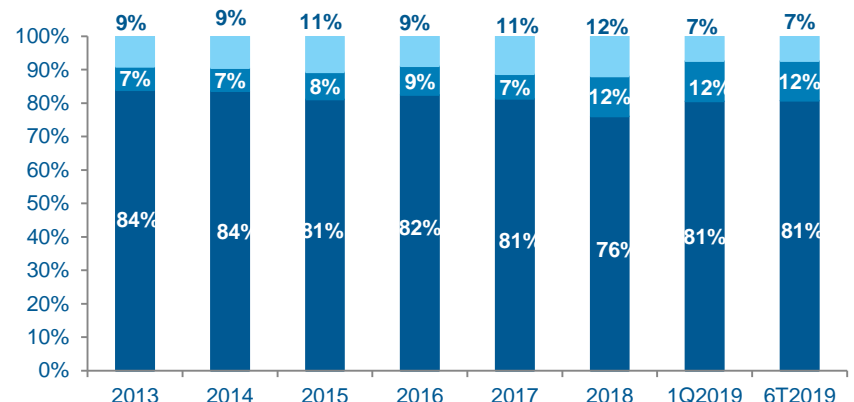
5. Kết quả hoạt động Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)



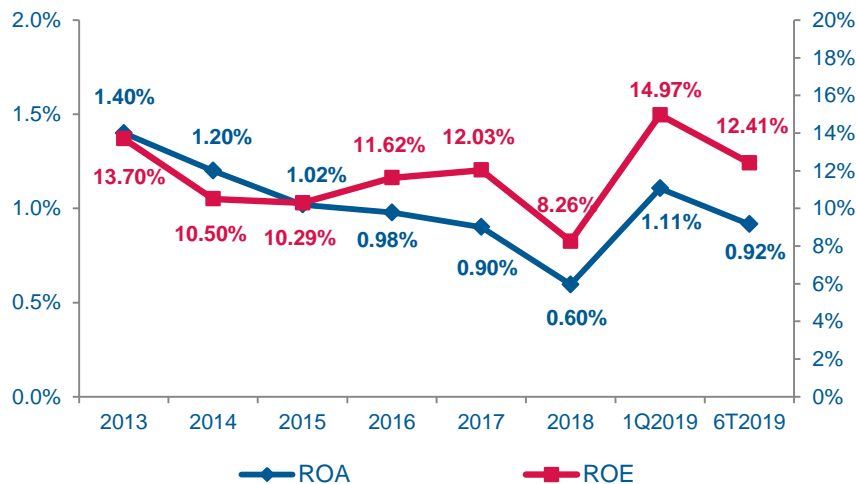
■ Lợi nhuận từ HĐKD trước chi phí DPRR ■ Lợi nhuận sau thuế

Các khoản thu nhập hoạt động



■ TN từ các HĐ khác ■ TN từ HĐ dịch vụ (gồm cả bảo lãnh) ■ TN lãi thuần

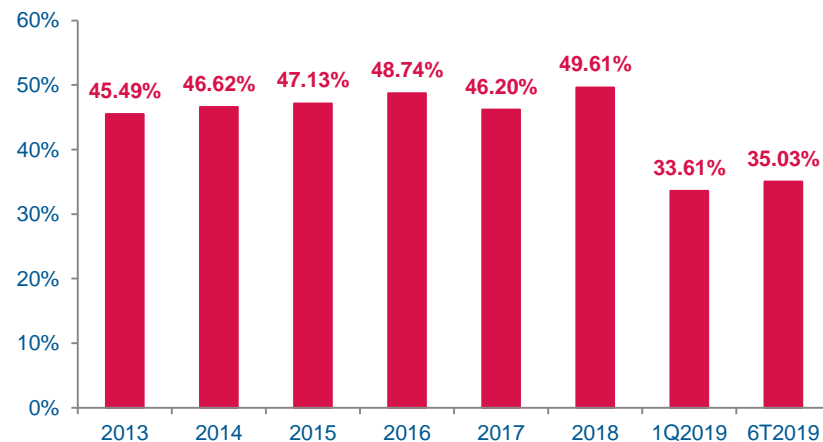
Các chỉ số tài chính



— ROA

— ROE

Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập








6. Phụ lục

- ❖ **Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu**
- ❖ **Hoạt động hiệu quả của các công ty con**
- ❖ **Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG**
- ❖ **Bảng cân đối kế toán**
- ❖ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Website Quan hệ Nhà đầu tư**









6. Phụ lục

Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

	<p>1. HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT (LẦN THỨ 2) VÀ CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ</p> <p>Nhân kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng VietinBank Huân chương Lao động hạng Nhất (lần thứ 2) và Cờ thi đua của Chính phủ. Đây là sự ghi nhận và biểu dương những thành tích, nỗ lực vượt bậc và đóng góp quan trọng của VietinBank trong suốt 30 năm qua.</p>
	<p>2. TOP 400 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI</p> <p>Với vị trí 242 trong Bảng xếp hạng toàn cầu của Brand Finance, năm 2019, VietinBank là ngân hàng Việt Nam đầu tiên lọt vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới và là lần thứ 7 VietinBank lọt vào Top 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới. Giá trị Thương hiệu của VietinBank cũng tăng 64% - tương ứng với 625 triệu USD và Sức mạnh Thương hiệu xếp hạng AA+, tăng 68 bậc so với năm 2018. Cú thăng hạng ngoạn mục đã đưa VietinBank tiếp tục nằm trong Top 10 các ngân hàng tăng hạng mạnh nhất (xếp thứ 8) và đứng thứ 8 trong Top 10 ngân hàng có giá trị thương hiệu tăng cao nhất trên thế giới.</p>
	<p>3. TOP 2.000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI</p> <p>Lần thứ 8 liên tiếp VietinBank lọt vào danh sách Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 3,7 tỷ USD và tài sản đạt 50,2 tỷ USD.</p>
	<p>4. THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM</p> <p>Lần thứ 5 liên tiếp VietinBank là doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ đạt Thương hiệu quốc gia. Đây là giải thưởng uy tín và cao quý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thương hiệu Quốc gia, Ban Thư ký Thương hiệu Quốc gia phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức.</p>
	<p>5. TOP DẪN ĐẦU THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM</p> <p>VietinBank lần thứ 15 liên tiếp được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam tại Liên hoan các Doanh nghiệp Rồng Vàng & Thương hiệu mạnh Việt Nam 2018 - 2019.</p>

6. Phụ lục

Hoạt động hiệu quả của các công ty con

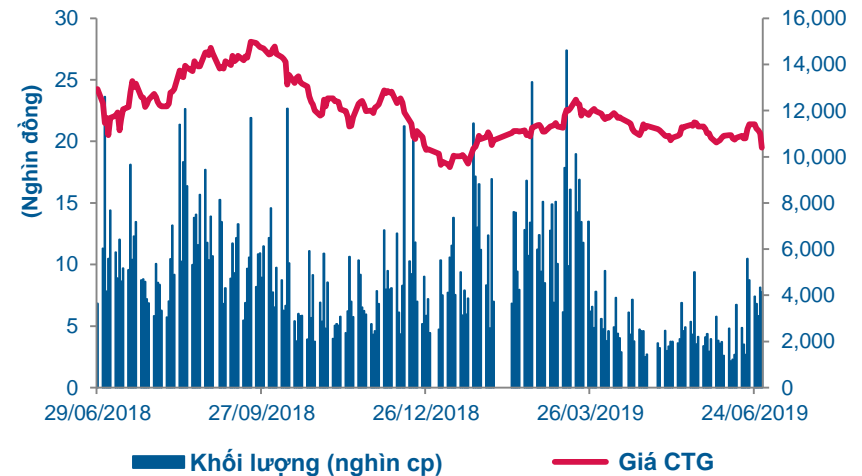
Tên công ty		Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2019 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank (%)	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30/6/2019 (Tỷ đồng)
<i>Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào</i>		1.149	100%	76,24
<i>Công ty Cho thuê tài chính VietinBank</i>		1.000	100%	53,66
<i>Công ty Quản lý quỹ VietinBank</i>		950	100%	8,80
<i>Công ty Chứng khoán VietinBank</i>		1.064,4	75,61%	59,22
<i>Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank</i>		500	73,37%	44,23
<i>Công ty Kinh doanh vàng bạc đá quý VietinBank</i>		200	100%	4,85
<i>Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản VietinBank</i>		120	100%	2,28
<i>Công ty Chuyển tiền toàn cầu VietinBank</i>		50	100%	20,65

6. Phụ lục

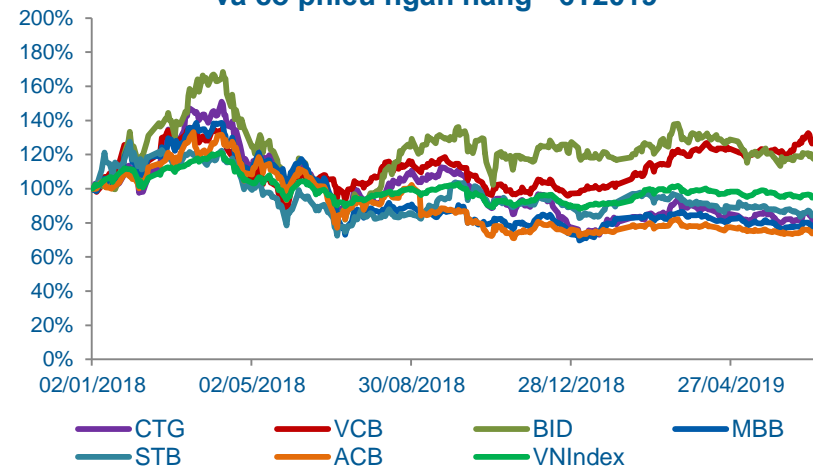
Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - 6T2019

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu 6T2019 (01/01/2019)	19.000 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối 6T2019 (28/06/2019)	19.500 đồng/cp
Biến động giá trong 6T2019	17.900 - 23.400 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	516.987.165 cp
Giá trị giao dịch	10.805 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Mua ròng 13.450.400 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	29,94%
EPS	2.326 đồng/cp
P/E (28/06/2019)	8,38x
BVPS	19.471 đồng/cp
P/B (28/06/2019)	1,00x

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - 6T2019



Tăng trưởng của VN-Index và cổ phiếu ngân hàng - 6T2019



6. Phụ lục

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

DVT: Tỷ đồng	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	1Q2019	1H2019
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.091	5.187	5.980	7.028	7.160	7.557
Tiền gửi tại NHNN	11.893	13.503	20.756	23.182	32.079	31.819
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	66.019	94.469	107.510	130.512	110.916	120.643
Chứng khoán kinh doanh	3.346	1.895	3.529	3.312	4.874	8.176
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	683	529	281	318	275
Cho vay khách hàng	538.080	661.988	790.688	851.918	845.319	885.535
DPRR cho vay khách hàng	(4.550)	(6.899)	(8.303)	(13.008)	(16.271)	-13.108
Chứng khoán đầu tư	120.024	134.227	128.393	102.100	96.965	93.310
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.892	3.203	3.114	3.317	3.572	3.280
Tài sản cố định	8.666	10.624	11.437	11.115	10.923	10.513
Tài sản có khác	27.022	29.689	31.427	31.850	34.646	35.793
Tổng tài sản có	779.483	948.568	1.095.061	1.164.435	1.146.774	1.183.795
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.227	4.808	15.207	62.600	58.048	71.482
Tiền gửi và vay các TCTD khác	99.169	85.152	115.159	111.400	95.782	96.386
Tiền gửi của khách hàng	492.960	655.060	752.935	825.816	824.613	846.860
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	118	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	54.237	6.075	6.364	5.934	5.907	5.902
Phát hành giấy tờ có giá	20.860	23.849	22.502	46.216	46.216	59.516
Các khoản nợ khác	42.802	113.315	119.129	45.013	46.082	31.151
Tổng nợ phải trả	723.373	888.261	1.031.296	1.096.979	1.076.648	1.111.298
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.209	46.416	46.416	46.729
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	5.275	6.367	7.476	8.168	8.173	8.179
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	442	480	551	600	717	768
Lợi nhuận chưa phân phối	3.942	6.991	9.234	11.976	14.513	16.232
Vốn chủ sở hữu	56.110	60.307	63.765	67.456	70.125	72.497
Lợi ích của cổ đông thiểu số	242	260	295	296	307	589
Tổng nguồn vốn	779.483	948.568	1.095.061	1.164.435	1.146.774	1.183.795

6. Phụ lục

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	6T2019	6T2018
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	42.472	52.890	65.277	74.176	39.955	36.124
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(23.633)	(30.586)	(38.204)	(51.658)	(23.778)	(21.684)
Thu nhập lãi thuần	18.839	22.304	27.073	22.518	16.177	14.440
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.651	3.334	4.302	5.954	3.642	2.664
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.191)	(1.636)	(2.447)	(3.187)	(1.686)	(1.465)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.460	1.698	1.855	2.768	1.955	1.199
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	20	685	710	710	787	358
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	129	184	325	271	136	213
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	53	41	(81)	218	(243)	130
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	2.202	1.299	1.995	1.878	345	785
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	150	743	374	415	210
Thu nhập ngoài lãi	3.905	4.057	5.547	6.220	3.492	2.896
Tổng thu nhập	22.744	26.361	32.620	28.738	19.669	17.336
Chi phí hoạt động	(10.719)	(12.849)	(15.070)	(14.256)	(6.857)	(7.119)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	12.024	13.512	17.550	14.482	12.715	10.218
Chi phí DPRR tín dụng	(4.679)	(5.059)	(8.344)	(7.751)	(7.380)	(4.952)
Tổng lợi nhuận trước thuế	7.345	8.454	9.206	6.730	5.335	5.266
Chi phí thuế TNDN	(1.629)	(1.688)	(1.747)	(1.314)	(1.028)	(1.013)
Lợi nhuận sau thuế	5.717	6.765	7.459	5.416	4.307	4.253
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(19)	(20)	(27)	(2)	(12)	(16)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	5.698	6.745	7.432	5.414	4.295	4.237

6. Phụ lục

Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>



The screenshot shows the investor website of VietinBank. The header includes the VietinBank logo and the tagline "Nâng giá trị cuộc sống". Below the header is a navigation menu with links: TRANG CHỦ, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ, KẾT NỐI THƯƠNG MẠI, GIỚI THIỆU, TUYỂN DỤNG, and LIÊN HỆ. The main content area features a large banner with the text "Nhà đầu tư & VietinBank" and a description of the website's purpose. Below the banner are three circular icons representing the bank's mission, vision, and core values. On the right side, there is a sidebar titled "CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ" (Investor Special Pages) with a list of links: Tổng quan, Sự mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Thông điệp từ Chủ tịch, Giới thiệu VietinBank, Xếp hạng tín nhiệm, and Giải thưởng. Below this list are sections for Tin tức (News) and CTG (Credit Rating) with a table showing the bank's credit rating.

CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ

Tổng quan

- Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- Thông điệp từ Chủ tịch
- Giới thiệu VietinBank
- Xếp hạng tín nhiệm
- Giải thưởng

Tin tức

Thông tin dành cho cổ đông

Cổ phiếu CTG

Thông tin tài chính

Thông tin trái phiếu quốc tế

Quản trị doanh nghiệp

Tham khảo và liên hệ

CTG

20.800

+0.10 (0.48%)

Khối lượng **840.410** **(+48.85%)**

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông

Văn phòng HĐQT

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email: investor@vietinbank.vn

Tel: 84-24-3 941 3622

Trân trọng cảm ơn!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.